TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-PT
Ngày: 15-8-2023
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán: + Ông Lê Hữu Nam

+ Ông Nguyễn Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhật Hạ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa, Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 27/2022/TLPT-DS về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 181/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị V, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 02 đường Nguyễn Thượng P, tổ 01, phường Phú B, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Bị đơn: Ông Võ H, sinh năm 1958 và bà Lê Thị N, sinh năm 1958; cùng địa chỉ: Tổ 07, phường Thủy C, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn:

1. Bà Võ Thị T1, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ 2, phường Phú B, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Hoài N, xã Phước H, huyện Ninh P, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt.

3. Bà Võ Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 05/1149 đường Nguyễn Tất T, phường Phú B, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

4. Bà Võ Thị T2, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 81, phường Hòa Hiệp N, quận Liên C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt..

5. Bà Võ Thị Anh T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 03/25 đường Cao Bá Q, phường Phú H (nay là phường Phú H), thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; địa chỉ: Ấp Xà B, xã Xà B, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt.

7. Ông Võ Văn N, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp Xà B, xã Xà B, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt.

8. Ông Võ Văn H, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 6, ấp Bầu S, xã Xà B, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt..

9. Ông Võ Văn M, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 4, xã Liêng S, huyện Đam R, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

10. Ông Võ Đức T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 41, ấp Liên L, xã Xà B, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt.

11. Ông Võ Văn P, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Tân L, xã Đạ Đ, huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

12. Bà Võ Thị Phương T, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp Liên H, xã Xà B, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Võ H và bà Lê Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa Nguyên đơn bà Võ Thị V trình bày:

Ông Võ T (đã chết) và bà Lê Thị L (đã chết) có tạo lập được thửa đất số 100, tờ bản đồ số 7, có diện tích 589m^2, tọa lạc tại tổ 7, phường Thủy C, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế (đã được Ủy ban nhân dân huyện Hương T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/5/1998). Hiện thửa đất này đang do bà V quản lý.

Ông T và bà L có 06 người con chung, gồm: Bà Võ Thị V, bà Võ Thị T1, bà Võ Thị Thu H, bà Võ Thị H, bà Võ Thị T2, bà Võ Thị Anh T. Còn bà Nguyễn Thị T là vợ sau của ông Võ T. Ông Võ T và bà Nguyễn Thị T có 06 người con chung là: ông Võ Văn N, ông Võ Văn H, ông Võ Văn M, ông Võ Đức T, ông Võ Văn P và bà Võ Thị Phương T. Quá trình sử dụng đất, ông T, bà L có làm bờ tường rào xây móng bằng bờ lô làm ranh giới phân định với đất của Ông H và bà N, đến bây giờ vẫn còn tồn tại. Tuy nhiên, Ông H và bà N cho rằng trong thửa đất của ông T, bà L có một phần đất có diện tích khoảng 120m^2 là đất của ông H, bà N nên không đồng ý giao phần đất này cho bà V quản lý, sử dụng.

Do đó, bà Võ Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Võ H và bà Lê Thị N trả lại cho bà V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan diện tích

đất khoảng 120m^2 tại thửa đất số 537, tờ bản đồ số 17 tại địa chỉ đường Nguyễn Thượng P, phường Thủy C, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 05/01/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là ông Võ H và bà Lê Thị N trình bày:

Ông H và bà V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án này có mối quan hệ bà con thân thích. Về nguồn gốc đất đang có tranh chấp là do ông nội ông H tên là Võ T1 (đã chết) để lại cho cha của ông H là ông Võ T2 (đã chết), ông T2 để lại cho ông H. Tuy nhiên, quá trình sử dụng không có giấy tờ mà chỉ là sử dụng trên thực tế. Việc bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà N trả lại diện tích đất khoảng 120m^2 tại thửa đất số 537, tờ bản đồ số 17 tại địa chỉ đường Nguyễn Thượng P, phường Thủy C, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế thì ông H và bà N không đồng ý. Đối với phần đất đang tranh chấp, ông H và bà N chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn, bà Võ Thị T1, bà Võ Thị Thu H, bà Võ Thị H, bà Võ Thị T2, bà Võ Thị Anh T, bà Nguyễn Thị T, ông Võ Văn N, ông Võ Văn H, ông Võ Văn M, ông Võ Đức T, ông Võ Văn P và bà Võ Thị Phương T thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, Hội đồng định giá tiến hành định giá thửa đất đang có tranh chấp và tài sản trên đất, kết quả như sau: Phần đất đang tranh chấp và phần nhà, đất bà V và những người thừa kế đang quản lý có chung khuôn viên, được xây dựng hàng rào xung quanh. Theo kết quả trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hương T thì diện tích đất tranh chấp là 175,7m^2.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Thủy C thì phần đất tranh chấp theo bản đồ 299 thuộc thửa đất số 133, tờ số 10, diện tích 542m^2, bà Lê Thị L là người kê khai đăng ký; theo bản đồ lập năm 1996 là thửa đất số 100, tờ bản đồ số 07, diện tích 589m^2, bà L là người kê khai đăng ký; theo bản đồ năm 2004 thửa đất này do bà L kê khai, gồm 02 thửa là thửa số 51 diện tích 319,6m^2, thửa số 71 diện tích 136,6m^2, tổng diện tích trên là 456,2m^2 thuộc tờ bản đồ số 17. Theo bản đồ chỉnh lý năm 2017 thì đây là thửa đất số 51, tờ bản đồ số 17, diện tích là 456,2m^2. Diện tích thửa đất có biến động qua các thời kỳ là do trước đây việc đo đạc chủ yếu bằng thước dây nên không chính xác, chỉ từ năm 2014 và 2017 việc đo đạc sử dụng công nghệ mới có sự chính xác. Ông Võ H và bà Lê Thị N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liền kề. Đối với phần đất tranh chấp, ông H và bà N, cha ông H không kê khai đăng ký.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự thống nhất đối với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và giá trị tài sản của Hội đồng định giá, không đề nghị Tòa án đưa ai vào tham gia tố tụng, không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải trả cho họ 175,7 m^2 (phù hợp với kết quả trích đo địa chính). Phía bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình

bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế đã tuyên xử:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Điều 166, Điều 167, Điều 203 Luật Đất đai.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Võ H và bà Lê Thị N phải trả lại phần đất có diện tích 175,7m^2 thuộc thửa đất số 100, tờ số 07 (nay là thửa đất số 51, tờ bản đồ số 17), địa chỉ: đường Nguyễn Thượng P, phường Thủy C, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế cho bà Võ Thị V và những người thừa kế (có bản vẽ kèm theo).

2. Về chi phí thẩm định và định giá: Bị đơn chịu chi phí thẩm định, định giá là 5.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp nên buộc ông H và bà N phải trả lại cho bà Võ Thị V số tiền 5.000.000 đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo luật định.

Ngày 05/10/2022, Bị đơn ông Võ H và bà Lê Thị N có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Võ Thị V về việc buộc vợ chồng ông H bà N phải trả lại diện tích đất 175,7m^2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Hương T do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 271, 272; trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 và được miễn tiền tạm ứng án

phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 28 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được chấp nhận để đưa ra xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà V khai do bà và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất do bà Lê Thị L để lại. Quá trình làm thủ tục, phía bị đơn ông H, bà N không ký xác nhận ranh giới vì cho rằng đó là đất của bố mẹ ông H nên không thể đăng ký biến động được. Tuy nhiên, trên thực tế phía ông H, bà N không có hành vi lấn chiếm, sử dụng, canh tác diện tích đất tranh chấp này. Phía ông H, bà N khai ông T, bà L đã tự ý làm thẻ đỏ và ông bà cũng không có hành vi lấn chiếm, sử dụng, canh tác diện tích đất tranh chấp này.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn bà Võ Thị V khởi kiện yêu cầu ông Võ H và bà Lê Thị N trả lại diện tích đất 175,7 m^2 nhưng diện tích này nằm trong phần diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị L. Phần diện tích đất tranh chấp có ranh giới tường rào do nguyên đơn xây dựng và đang sử dụng. Bị đơn ông H bà N không sử dụng phần đất tranh chấp này. Nguyên nhân xảy ra tranh chấp là do ông H và bà N không ký xác nhận ranh giới để nguyên đơn thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả lại diện tích đất 175,7m^2 là không đúng với thực tế sử dụng đất của các đương sự.

[2.2]. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn cung cấp tài liệu về việc ông H bị bệnh thần kinh. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập chứng cứ. Quá trình xác minh, Ủy ban nhân dân phường Thủy C, thị xã Hương T cung cấp thông tin: "*Ông Võ H mắc bệnh tâm thần năm 15 tuổi do Trung tâm y tế thị xã Hương T chứng nhận ngày 19/8/2010. Năm 2010, ông Võ H có đơn đề nghị hưởng trợ cấp xã hội tại cộng đồng hoặc Nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội được địa phương xác nhận. Ngày 07/01/2011, Ủy ban nhân dân thị xã Hương T quyết định cho ông Võ H được hưởng trợ cấp xã hội thuộc trường hợp người tàn tật không lao động được. Năm 2013, Hội đồng xác định mức độ khuyết tật của ông Võ H thuộc dạng thần kinh tâm thần mức độ nặng. Ngày 28/6/2013, ông H được Ủy ban nhân dân phường Thủy C cấp giấy xác nhận khuyết tật với dạng khuyết tật thần kinh tâm thần, mức độ khuyết tật nặng"*. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông H và bà N không khai báo và cung cấp thông tin trên. Đây là tình tiết, chứng cứ mới mà cấp sơ thẩm không biết, dẫn đến vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm theo

như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng khác sẽ được Tòa án xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, Khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng khác sẽ được Tòa án xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- TAND TX.Hương T;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS TX.Hương T;
- Các đương sự;
- HCTP, TDS, lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Hồng Vân